

Số: /KH-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình hành động số 73-CTr/TU ngày 08/5/2024
của Ban Thường vụ Thành ủy; Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024
của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023
của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao
chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng
và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới**

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (sau đây gọi là Nghị quyết số 42-NQ/TW); Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (sau đây gọi là Nghị quyết số 68/NQ-CP); Chương trình hành động số 73-CTr/TU ngày 08/5/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (sau đây gọi là Chương trình hành động số 73-CTr/TU);

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt sâu sắc, hiệu quả Nghị quyết số 42-NQ/TW, Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình hành động số 73-CTr/TU gắn với thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị và Nhân dân về đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ

quốc, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 42-NQ/TW, Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình hành động số 73-CTr/TU, làm cơ sở để các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, gắn với thực hiện các Chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố.

- Bảo đảm người dân được tiếp cận có hiệu quả hệ thống an sinh xã hội; không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, nhất là người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội. Phát triển kinh tế hiệu quả, bền vững, gắn với thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và chính sách an sinh xã hội phù hợp với từng thời kỳ, điều kiện kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Yêu cầu

- Phân công cụ thể trách nhiệm, tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, hiệu quả, đúng tiến độ, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, gắn với mục tiêu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của thành phố.

- Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, trách nhiệm giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

II. CHỈ TIÊU CỤ THỂ

Hệ thống chỉ tiêu, mục tiêu, trách nhiệm theo dõi, đánh giá của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện được phân công tại phụ lục đính kèm.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách xã hội

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách xã hội trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, chú trọng đối tượng người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế; tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức, trách nhiệm trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân về chính sách xã hội, khơi dậy tinh thần tự lực và huy động nhiều nguồn lực thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

- Biểu dương, khen thưởng, tuyên truyền sâu rộng, lan tỏa những mô hình tốt, cách làm hay và những tấm gương tiêu biểu, điển hình tiên tiến có đóng góp thực hiện chính sách xã hội trên địa bàn thành phố.

2. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá nhân hóa trách nhiệm trong tổ chức thực hiện. Tiếp tục cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân tiếp cận chính sách xã hội; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; tăng cường vai trò giám sát của Nhân dân, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống bộ máy triển khai thực hiện chính sách xã hội.

- Phát triển hạ tầng viễn thông, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, số hóa trong quá trình hiện đại hóa công tác quản lý nhà nước, quản lý và tổ chức thực hiện chính sách. Triển khai hiệu quả mã số an sinh xã hội cho người dân, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành liên quan đến chính sách xã hội, đảm bảo liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân. Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số. Đẩy mạnh thực hiện thanh toán chế độ chính sách xã hội không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng, ứng dụng thanh toán điện tử trên nền tảng cơ sở dữ liệu tập trung.

- Đổi mới cơ chế huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội theo hướng linh hoạt, hiệu quả; nguồn lực nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động hợp lý nguồn lực xã hội hoá; Tăng cường xã hội hóa hợp tác công - tư trong thực hiện chính sách xã hội.

3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng theo quy định và chính sách đặc thù của thành phố về hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ gia đình có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở theo chỉ đạo của Chính phủ giai đoạn 2022 - 2025 và đến 2030.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết chế độ, chính sách đối với người có công.

- Tập trung giải quyết dứt điểm theo thẩm quyền trường hợp tồn đọng, chưa hưởng hoặc hưởng thiếu chính sách ưu đãi với người có công; tăng cường công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ và xác định danh tính hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin. Tiếp tục đẩy mạnh huy động, đa dạng hoá các nguồn lực xã hội kết hợp với bố trí tăng ngân sách địa phương thực hiện chính sách, tri ân người có công với cách mạng. Giải quyết kịp thời chế độ ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo, việc làm, sản xuất, tạo thuận lợi cho người có

công và thân nhân tiếp cận tốt các dịch vụ xã hội. Bảo đảm người có công và gia đình người có công với cách mạng luôn được hưởng chính sách đầy đủ, kịp thời theo quy định và có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

- Đẩy mạnh công tác vận động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đóng góp, ủng hộ Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” nhằm phát huy truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”; sử dụng hiệu quả các nguồn lực để chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người có công với cách mạng. Tăng cường công tác quản lý các công trình ghi công liệt sỹ, nghĩa trang liệt sỹ, xây dựng, tu bổ, tôn tạo mộ liệt sỹ.

4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

4.1. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Thực hiện có hiệu quả chính sách dân số và phát triển theo hướng có quy mô, cơ cấu, phân bố hợp lý, cân bằng tỷ số giới tính khi sinh ở mức tự nhiên và duy trì mức sinh thay thế. Nâng cao chất lượng dân số; triển khai hiệu quả chính sách quốc gia thích ứng với quá trình già hoá dân số; đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá thành phố.

- Tạo bước đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là hiện đại hoá, đa dạng hoá phương thức giáo dục, đào tạo. Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục; đổi mới giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động và tạo cơ hội học tập suốt đời. Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của thành phố. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hoá, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Đẩy nhanh xã hội hoá giáo dục nghề nghiệp; đa dạng hoá chủ thể tham gia đào tạo, quy định trách nhiệm và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động; thường xuyên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút đội ngũ chuyên gia khoa học công nghệ: biển, logistics, công nghệ điện tử..., nhà khoa học, đặc biệt là nhân lực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp phụ trợ chủ lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của thành phố; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tham gia Cách

mạng công nghiệp lần thứ tư, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Triển khai quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, tập trung phát triển các trường chất lượng cao.

4.2. Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiện đại, hiệu quả và bền vững

- Tổ chức có hiệu quả Sàn giao dịch việc làm, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động; phòng, chống hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực hiện các dịch vụ liên quan đến thị trường lao động. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về người lao động, việc làm kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác; hiện đại hoá, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, quản lý nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo nghề. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 theo chỉ đạo của Trung ương.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả tín dụng chính sách xã hội, trong đó quan tâm rà soát, hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn. Tạo việc làm cho người lao động phải gắn với mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao tay nghề, thu nhập và bảo đảm an toàn tại nơi làm việc cho người lao động. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, từng bước thu hẹp số lao động trong khu vực phi chính thức; tăng cơ hội việc làm bền vững cho người trong và sau độ tuổi lao động để thích ứng với tốc độ già hoá dân số.

5. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội, cơ chế chính sách đặc thù bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

5.1. Triển khai hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế bao phủ toàn bộ lực lượng lao động

- Đẩy mạnh thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đảm bảo và nâng cao quyền lợi của người dân tham gia bảo hiểm y tế.

- Xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ, mở rộng và phát triển các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, chú trọng đối tượng thuộc hộ cận nghèo, hộ gia đình làm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật. Tiếp tục nghiên cứu, có chính sách mở rộng, nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân; đa dạng các gói dịch vụ bảo hiểm y tế nhằm góp phần chăm sóc sức khoẻ Nhân dân, giảm chi phí người dân chi trả trực tiếp cho dịch vụ y tế.

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; triển khai thực hiện bộ chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia; quản lý an toàn, hiệu quả Quỹ bảo hiểm xã hội, Quỹ bảo hiểm y tế. Phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp, chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thất nghiệp; nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thất nghiệp.

5.2. Triển khai hiệu quả hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm cả về đời sống vật chất, tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác

- Tiếp tục nghiên cứu nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội cao hơn mức quy định của Trung ương theo hướng đảm bảo mức sống tối thiểu và mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách; ưu tiên hỗ trợ cho người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn.

- Phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội theo quy hoạch đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ về trợ giúp xã hội, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đối tượng bảo trợ xã hội; khuyến khích thành lập các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập; đảm bảo đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp cả về chất lượng và số lượng; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững.

- Đổi mới việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp; quản lý, sử dụng quỹ cứu trợ xã hội từ thiện, nhân đạo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật.

5.3. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, bảo đảm tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân

- Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, gắn công tác giảm nghèo với xây dựng nông thôn mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Tiếp tục đầu tư nguồn lực cho công tác dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo, dạy nghề phù hợp với nhu cầu, yêu cầu của thị trường lao động, phù hợp với trình độ, điều kiện của người nghèo, dạy nghề phải gắn với tạo việc làm, tạo thu nhập, dạy có địa chỉ, liên kết với doanh nghiệp, với cơ sở sản xuất kinh doanh để dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho người nghèo; tiếp tục triển khai có hiệu quả chính sách cho vay vốn tín dụng ưu đãi, chính sách đặc

thù hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; huy động đa dạng nguồn lực xã hội hóa từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, giúp giảm nghèo bền vững.

- Tăng cường công tác phản biện, đánh giá tác động chính sách, tuyên truyền, giáo dục ý thức cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Thường xuyên duy trì các hoạt động kiểm tra, giám sát về công tác giảm nghèo. Tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảm nghèo các cấp.

6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

6.1. Về giáo dục

- Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là hiện đại hóa, đa dạng hóa phương thức giáo dục, đào tạo. Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục, đổi mới giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và tạo cơ hội học tập suốt đời. Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hoá mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học; thực hiện đào tạo theo nhu cầu của thị trường; đặc biệt chú ý phát hiện, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút, sử dụng nhân tài.

- Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho học sinh ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hoá, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Giữ vững và củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo 3 đến 4 tuổi và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi.

- Chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng hải đảo, ven biển, khu, cụm công nghiệp, khu đông dân cư. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả tín dụng chính sách xã hội đối với học sinh sinh viên, duy trì hỗ trợ cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận tốt nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Chính phủ.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách phát triển giáo dục, khuyến khích giáo dục tư thực chất lượng cao. Tăng cường giáo dục hòa nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý. Ưu tiên xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất giữ vững, nâng cao tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số, hiện đại hóa, nâng cao hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên tạo đột phá phát triển giáo dục thông minh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

6.2. Về y tế

- Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hội nhập, bảo đảm điều kiện tiếp cận và chăm sóc sức khỏe cho mọi người dân hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân. Chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe tâm thần, chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em; khám sức khỏe định kỳ cho Nhân dân; quản lý các bệnh mạn tính đối với người cao tuổi. Thực hiện có hiệu quả chính sách dinh dưỡng, giải quyết tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân; bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả dịch bệnh, bảo đảm an ninh y tế; phát triển y tế học đường, y học gia đình.

- Tăng cường chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, bảo hiểm y tế. Tạo điều kiện phát triển hệ thống y tế ngoài công lập; Khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư xây dựng bệnh viện tư nhân có quy mô và trình độ ngang tầm khu vực. Phát triển công nghệ y khoa, tiếp nhận kỹ thuật mới, hiện đại để thành phố trở thành trung tâm y tế vùng.

6.3. Về phát triển văn hoá

- Nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, xây dựng môi trường văn hóa cộng đồng dân cư lành mạnh, tiến bộ, từng bước thu hẹp khoảng cách về thụ hưởng văn hóa giữa khu vực thành thị và nông thôn, vùng hải đảo, nơi tập trung đông người lao động. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, bảo vệ, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp; xây dựng nếp sống văn minh, gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm, môi trường lưu giữ, giáo dục, trao truyền các giá trị văn hóa dân tộc, nuôi dưỡng, bồi đắp nhân cách, lối sống tôn trọng đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong mỗi con người thành phố.

- Xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, nhất là các di sản có giá trị tiêu biểu của thành phố, các giá trị di sản văn hóa cần được bảo vệ khẩn cấp; khôi phục, bảo tồn, quảng bá, giới thiệu văn hóa truyền thống, kiến trúc đặc trưng,.. của thành phố. Bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với phát triển văn hoá, xây dựng nếp sống văn minh, nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của Nhân dân.

6.4. Về thông tin

- Thực hiện có hiệu quả chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận

và bảo vệ người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được an toàn trên môi trường mạng.

- Nâng cấp hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, phủ sóng, cung cấp thông tin cơ bản phục vụ cuộc sống Nhân dân; đầu tư trang thiết bị cho các điểm Bưu điện văn hóa xã, cung cấp dịch vụ báo chí, xuất bản phẩm đảm bảo cho việc phục vụ nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân, đặc biệt người dân ở vùng nông thôn, hải đảo.

- Tăng cường phổ cập dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số. Thiết lập các cụm thông tin điện tử, dịch vụ thông tin công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đặc biệt tại vùng nông thôn, hải đảo, các khu vực tập trung cho công nhân, người lao động.

6.5. Về nhà ở

- Thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045, bảo đảm cho người dân có chỗ ở thích hợp, chất lượng và an toàn, có sự chia sẻ trách nhiệm giữa Nhà nước, xã hội và người dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của thành phố và thu nhập của Nhân dân.

- Triển khai thực hiện tốt việc phát triển nhà ở xã hội. Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm và 05 năm cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nhà ở theo Chương trình phát triển nhà ở đã được phê duyệt. Đề xuất cơ chế, chính sách phát triển nhà ở đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, Chương trình phát triển nhà ở và tình hình thực tế của từng giai đoạn.

- Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở và cơ chế, chính sách mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà lưu trú, ký túc xá cho công nhân, người lao động, học sinh, sinh viên; tập trung giải quyết vấn đề nhà ở cho người nghèo, người có công, đối tượng đặc biệt khó khăn và nhà ở tái định cư; thúc đẩy phát triển nhà ở cho các đối tượng xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp tại đô thị thông qua việc rà soát quy hoạch, bố trí quỹ đất và ban hành các cơ chế, chính sách để khuyến khích các thành phần kinh tế khác tham gia đầu tư xây nhà ở xã hội, nhà ở thu nhập thấp tại đô thị.

6.6. Về nước sạch, vệ sinh môi trường

- Thực hiện các chương trình, dự án về bảo đảm nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy chuẩn cho người dân, nhất là người dân ở khu vực nông thôn, hải đảo, vùng bị xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước; chú trọng, ưu tiên cung cấp nước sạch cho các cơ sở giáo dục, y tế và các cơ sở thiết yếu khác.

- Vận động các đơn vị quản lý các nhà máy nước không đảm bảo hoạt động bền vững đồng thuận chấm dứt hoạt động cấp nước trên địa bàn và chuyển nhượng quyền kinh doanh dịch vụ cấp nước để thay thế nguồn cấp nước từ các nhà máy nước quy mô lớn, đảm bảo chất lượng. Cập nhật bổ sung vào quy

hoạch để cho phép nâng cấp đối với các nhà máy nước đáp ứng các điều kiện tiêu chí theo quy định tại Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố, phù hợp với quy hoạch nông thôn mới; phù hợp với định hướng quy hoạch hạ tầng của địa phương.

- Thực hiện nghiêm chỉnh sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường các khu dân cư nhằm cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân. Lồng ghép, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế - xã hội; có giải pháp đủ mạnh để giải quyết triệt để ô nhiễm do nước thải, rác thải, khí thải; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ ô nhiễm môi trường, nhất là vấn đề rác thải, khí thải, nước thải tại các Khu công nghiệp, đô thị, khu vực nông thôn.

- Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước trong công tác nước sạch và vệ sinh môi trường; tăng cường kiểm tra, giám sát từ khâu xây dựng, quản lý, sử dụng, duy tu bảo dưỡng các công trình, nhằm đảm bảo cho các công trình phát huy hiệu quả; hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ quản lý địa phương các quy trình công nghệ xử lý nước đối với từng công trình; tăng cường trách nhiệm của địa phương đối với công tác quản lý công trình. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực có đủ khả năng thực hiện công tác quản lý, kỹ thuật tư vấn và truyền thông, đánh giá nguồn nước, chuyển giao công nghệ, vận hành bảo dưỡng.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

- Xây dựng, triển khai hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu cung cấp các dịch vụ xã hội và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng, nhất là công nhân, người có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, người khuyết tật, đối tượng bảo trợ xã hội.

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và trang thiết bị cho cơ sở trợ giúp xã hội công lập trên địa bàn thành phố đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội hiểu biết về pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp; trong đó tập trung phát triển các dịch vụ công tác xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi, giải quyết vấn đề nghèo và những vấn đề xã hội khác; chú trọng phát triển mạng lưới nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội trong hệ thống trường học, bệnh viện, tư pháp,...

- Tiếp tục nâng cao chất lượng các dịch vụ việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng, trẻ mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật

không nơi nương tựa trên địa bàn thành phố. Phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng, mô hình chăm sóc và trợ giúp xã hội ngoài công lập phù hợp với quy hoạch chung của thành phố; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em.

- Rà soát, nghiên cứu cơ chế, chính sách hợp tác công - tư, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, hiện đại hoá, phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ xã hội; đẩy mạnh việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng chính sách trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

8. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm trong thực hiện chính sách xã hội

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế hỗ trợ cho chính sách xã hội.

- Đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ hướng tới việc làm bền vững, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an sinh xã hội, trợ giúp xã hội. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực có sức cạnh tranh, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố.

- Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về tiêu chuẩn lao động, quan hệ lao động, tiêu chuẩn nghề nghiệp tương thích và cạnh tranh quốc tế. Khuyến khích nguồn lực quốc tế hỗ trợ, đầu tư phát triển các dịch vụ xã hội, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí triển khai Kế hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể có liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức thực hiện tốt các chế độ, chính sách ưu đãi người có công theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; tổ chức thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội kịp thời, đảm bảo quy định cho các đối tượng bảo trợ xã hội: người cao tuổi, người khuyết tật,... dựa vào cộng đồng;

triển khai các mô hình cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện hỗ trợ cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với chuyển đổi nghề nghiệp; phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động; đẩy mạnh chuyển dịch lao động và thúc đẩy việc làm bền vững; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ.

- Triển khai hiệu quả các chính sách đặc thù của thành phố; tiếp tục tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách có liên quan hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội,.. phù hợp với mức sống của từng nhóm đối tượng và điều kiện kinh tế - xã hội của thành phố, đảm bảo an sinh xã hội.

- Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin về người có công, bảo trợ xã hội, trẻ em và giảm nghèo theo hướng phân cấp, gắn với dịch vụ công trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; xây dựng cơ sở dữ liệu an sinh xã hội; đẩy mạnh thực hiện thanh toán các chế độ chính sách ưu đãi người có công, trợ cấp xã hội không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn thành phố. Tổng hợp tình hình, định kỳ báo cáo theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan cân đối nguồn vốn đầu tư công của thành phố, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư và đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan vận động nguồn vốn viện trợ, tài trợ phi chính phủ của các nước, các tổ chức quốc tế nhằm hỗ trợ thực hiện các chính sách xã hội trên địa bàn thành phố.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí thực hiện các chính sách xã hội theo quy định.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo và học tập theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; nâng cao chất lượng xã hội học tập; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Đẩy mạnh phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến; phát triển học liệu số, học liệu điện tử, học liệu mở; tiếp tục cập nhật kho học liệu số dùng chung, thư viện số hỗ trợ người học, học từ xa, tự học và học tập suốt đời.

- Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho học sinh ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; giữ vững và củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo 3 tuổi và 5 tuổi.

- Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách để phát triển giáo dục, khuyến khích giáo dục tự thực chất lượng cao. Tăng cường giáo dục hòa nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

5. Sở Y tế

- Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe toàn diện, đáp ứng sự hài lòng của người dân. Chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe tâm thần, chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em; khám sức khỏe định kỳ và quản lý các bệnh mạn tính đối với người cao tuổi. Thực hiện có hiệu quả chính sách dinh dưỡng, giải quyết tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân; bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm.

- Triển khai hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên công nghệ số; ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh, quản lý và theo dõi hồ sơ sức khỏe cá nhân và bệnh án điện tử.

6. Sở Xây dựng

- Chủ trì, hướng dẫn tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ gia đình có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở, với hộ nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách phát triển nhà ở đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, Chương trình phát triển nhà ở và tình hình thực tế của từng giai đoạn. Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở và cơ chế, chính sách mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà lưu trú, ký túc xá cho công nhân, người lao động, học sinh, sinh viên; tập trung giải quyết vấn đề nhà ở cho người nghèo, người có công, đối tượng đặc biệt khó khăn.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện các chương trình, dự án về bảo đảm nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy chuẩn. Kiểm tra, giám sát và hướng dẫn đơn vị cấp nước thực hiện quy định của pháp luật nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

8. Sở Tài Nguyên và Môi trường

- Triển khai có hiệu quả quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả giám sát, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải từ các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ đặc biệt tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông..., kiên quyết không để phát sinh các điểm nóng về môi trường.

- Đối với công tác quản lý, bảo vệ nguồn nước ngọt trên địa bàn thành phố, tiếp tục thực hiện kết luận giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tại Thông báo số 45/TB-HĐND ngày 09/11/2021; triển khai thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ, giải pháp tổng thể thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 4715/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí thành phố Hải Phòng giai đoạn 2023 – 2025”.

9. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn báo chí, Cổng thông tin điện tử thành phố, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, nội dung của Kế hoạch thực hiện Thực hiện Chương trình hành động số 73-CTr/TU ngày 08/5/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận và bảo vệ người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được an toàn trên môi trường mạng.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp Viễn thông, Bưu chính tập trung nguồn lực đầu tư nâng cấp hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, phủ sóng, cung cấp thông tin cơ bản phục vụ cuộc sống Nhân dân; đầu tư trang thiết bị cho các điểm Bưu điện văn hóa xã, cung cấp dịch vụ báo chí, xuất bản phẩm đảm bảo cho việc phục vụ nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân, đặc biệt người dân ở vùng nông thôn, hải đảo.

10. Sở Văn hóa và Thể thao

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, bảo vệ, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp; xây dựng nếp sống văn minh, gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh.

- Tiếp tục xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, nhất là các di sản có giá trị tiêu biểu của thành phố, các giá trị di sản văn hóa cần được bảo vệ khẩn cấp; khôi phục,

bảo tồn, quảng bá, giới thiệu văn hóa truyền thống, kiến trúc đặc trưng,.. của thành phố.

11. Sở Ngoại vụ

Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xúc tiến và vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam nhằm hỗ trợ thực hiện các chính sách xã hội trên địa bàn thành phố.

12. Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành, địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin đến năm 2030 và những năm tiếp theo; phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả chế độ, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; đào tạo nghề cho quân nhân xuất ngũ.

13. Bảo hiểm xã hội thành phố

Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng sự hài lòng của người dân, tổ chức và doanh nghiệp trong tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; đẩy mạnh thực hiện chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng.

14. Cục Thống kê thành phố

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, hàng năm công bố các chỉ tiêu có liên quan như: Tuổi thọ trung bình của người dân, chỉ số phát triển con người HDI, mức sinh thay thế và các chỉ số có liên quan khác.

15. Các sở, ban, ngành liên quan khác

Căn cứ chức năng, thẩm quyền và nhiệm vụ, thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động; chỉ đạo lồng ghép các nội dung của Chương trình hành động vào kế hoạch của sở, ngành, cơ quan.

16. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Liên đoàn Lao động thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội, huy động nguồn lực tri ân người có công với cách mạng, chăm lo đời sống cho hộ nghèo, người nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người bị nhiễm chất độc hóa học, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn,...đẩy mạnh các hoạt động giám sát, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến về thực hiện chính sách xã hội,

góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện chính sách xã hội.

17. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

- Xây dựng chương trình, kế hoạch nhằm cụ thể hóa các nội dung hoạt động của Kế hoạch phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung bảo đảm tính thiết thực và hiệu quả; chủ động bố trí ngân sách, huy động nguồn lực đáp ứng thực hiện Kế hoạch trên địa bàn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, định kỳ và đột xuất, hàng năm báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch theo quy định.

Đề nghị các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện báo cáo kết quả thực hiện **trước ngày 05/10 hàng năm** (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội), gửi Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời bằng Văn bản về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH;
- TTTU; TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- UB MTTQVN TP và các đoàn thể;
- Các sở, ngành, cơ quan đơn vị liên quan;
- UBND các quận, huyện;
- CPVP;
- Phòng: VX, NC&KTGS;
- Lưu: VT, LĐ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Khắc Nam

PHỤ LỤC

**Các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện Chương trình hành động số 73-CTr/TU ngày 08/5/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy;
Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW**
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu		Cơ quan, đơn vị theo dõi đánh giá	Ghi chú
			Đến năm 2025	Đến năm 2030		
I	Ưu đãi người có công với cách mạng					
1	Tỉ lệ người có công và gia đình có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú	%	-	100	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
II	Lao động, việc làm, phát triển thị trường lao động					
2	Tỉ lệ thất nghiệp chung	%	2,5	< 2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
3	Tỉ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	3,5	< 3		
4	Tỉ lệ việc làm phi chính thức	%	<45	<30		
5	Tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	4	3,5		
6	Tỉ lệ lao động nữ làm công hưởng lương	%	60	70		
7	Tỉ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động có việc làm	%	40	50		
III	Phát triển nguồn nhân lực					
1	Chỉ số HDI		Trong nhóm 5 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước	Trong nhóm 5 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước	Cục Thống kê thành phố chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
2	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	40	52	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
3	Tỉ lệ lao động có các kĩ năng công nghệ thông tin	%	90	95		
4	Tỉ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao	%	35	40		

	động được học nghề phù hợp					
5	Tỉ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp	%	30	40		
IV	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế					
1	Tỉ lệ LLLĐ trong độ tuổi tham gia BHXH	%	55	70	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, cùng Bảo hiểm xã hội thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
2	Tỉ lệ nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia BHXH tự nguyện trong LLLĐ trong độ tuổi	%	3,5	5,5		
3	Tỉ lệ người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội	%	60	65	Bảo hiểm xã hội thành phố chủ trì, cùng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
4	Chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia BHXH	%	85	92		
5	Tỉ lệ LLLĐ trong độ tuổi tham gia BHTN	%	47	62	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, cùng Bảo hiểm xã hội thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
6	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95	100	Bảo hiểm xã hội thành phố chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
7	Hỗ trợ bảo hiểm y tế cho trẻ em	Bậc học	Tiểu học	THCS		
8	Tỉ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	90	>90	Sở Y tế chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
9	Tỉ lệ lao động là người khuyết tật có giấy xác nhận khuyết tật được hỗ trợ BHYT	%	60	100	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, cùng Bảo hiểm xã hội thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
10	Tỉ lệ người cao tuổi tham gia bảo hiểm y tế	%	100	100		
V	Trợ giúp xã hội và giảm nghèo					
1	Tỉ lệ dân số được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng	%	3,9	4,2		
2	Tỉ lệ đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp	%	100	100		

	kịp thời				Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
3	Tỉ lệ hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội	%	-	100		
4	Tỉ lệ phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội	%	-	100		
5	Tỉ lệ người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội	%	-	100		
6	Tỉ lệ người có hoàn cảnh khó khăn, người có thu nhập thấp được đảm bảo mức sống tối thiểu	%	-	100		
7	Tỉ lệ hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo được hưởng trợ cấp xã hội	%	-	100		
8	Tỉ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp	%	99	100		
9	Tỉ lệ người nghèo, người có công với cách mạng, đối tượng chính sách và người yếu thế thuộc diện người được trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	%	-	100		
10	Mức giảm tỉ lệ hộ nghèo đa chiều hàng năm	%/năm	0,46-0,47	-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, cùng Sở Văn hóa và Thể thao, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
11	Mức tăng thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo so với năm 2021	Lần	2	-		
12	Tỉ lệ người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong những dịch vụ hỗ trợ cơ bản	%	100	100		
13	Tỉ lệ người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn	%	90	>95		
14	Tỉ lệ cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	%	100	100		

15	Tỉ lệ đối tượng gặp khó khăn đột xuất do thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn, tai nạn giao thông, tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác được trợ giúp kịp thời	%	100	100	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
16	Tỉ lệ người dân có nhu cầu được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp	%	70	100		
17	Tỉ lệ người cao tuổi có nhu cầu và khả năng lao động có việc làm, được đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp	%	60	80		
18	Số người làm công tác xã hội/1000 dân	Người	-	≥ 2		
VI	Giáo dục				Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
1	Tỉ lệ số huyện, thị xã, thành phố hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi	%	-	100		
2	Tỉ lệ huy động trẻ em nhà trẻ	%	40	50		
3	Tỉ lệ huy động trẻ em mẫu giáo	%	99	99,8		
4	Tỉ lệ trẻ em mầm non được học 2 buổi/ngày	%	100	100		
5	Tỉ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	%	50	70		
6	Tỉ lệ đi học đúng tuổi cấp tiểu học	%	-	100		
7	Tỉ lệ đi học đúng tuổi cấp trung học cơ sở	%	-	100		
8	Tỉ lệ đi học đúng tuổi cấp trung học phổ thông và tương đương	%	-	100		
9	Tỉ lệ huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	%	100	100		
10	Tỉ lệ hoàn thành cấp tiểu học	%	-	100		
11	Tỉ lệ hoàn thành cấp trung học cơ sở	%	-	100		
12	Tỉ lệ hoàn thành cấp trung học phổ thông	%	-	100		
13	Tỉ lệ trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục	%	80	90		
VII	Y tế					
1	Mức sinh thay thế (Quốc gia)	Mức độ	-	Bảo đảm vững chắc	Cục Thống kê thành phố chủ trì, cùng Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
2	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	75,1	75,5		

3	Số năm sống khỏe	Năm	67	68	Sở Y tế chủ trì, cùng Cục Thống kê thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
4	Chỉ tiêu số lượng trên 10.000 dân					
	<i>Số giường bệnh</i>	<i>Giường</i>	43	45	Sở Y tế chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
	<i>Số bác sỹ</i>	<i>người</i>	16	19		
	<i>Số dược sỹ</i>	<i>người</i>	-	4		
	<i>Số điều dưỡng viên</i>	<i>người</i>	-	33		
5	Tỉ lệ người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả	%	-	> 95		
6	Tỉ lệ người dân được quản lý sức khỏe	%	-	> 95		
7	Tỉ lệ phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế	%				
7.1	Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám định kỳ ≥ 4 lần/3 chu kỳ	%	95	>95		
7.2	Tỷ lệ phụ nữ sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế	%	100	100		
8	Tỉ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	95	95		
9	Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	-	< 14		
10	Chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét	Mức độ	-	Giải quyết cơ bản		
11	Tỉ lệ người khuyết tật tiếp cận các dịch vụ y tế	%	75	80		
12	Tỉ lệ sàng lọc sơ sinh	%	>70	>90		
13	Tỉ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ	%	70	75		
14	Tỉ lệ người cao tuổi khi ốm đau, dịch bệnh được khám chữa bệnh và được hưởng sự chăm sóc của gia đình và cộng đồng	%	100	100		
VIII	Phát triển văn hóa và thông tin, truyền thông					
1	Tỉ lệ người dân được xem các kênh phát thanh, kênh				Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì,	

	truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và địa phương				cùng Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
	<i>Hải đảo</i>	%	100	100		
	<i>Các vùng còn lại</i>	%	100	100		
2	Tỉ lệ các chương trình thời sự và bản tin phát sóng truyền hình có ngôn ngữ ký hiệu	%	20	50		
3	Tỉ lệ dân số được phủ sóng di động	%	100	100		
4	Tỉ lệ xã được cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập	%	100	100		
5	Tỉ lệ xã đạt chuẩn tiêu chí số về thông tin và truyền thông theo Bộ Tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao	%	100	100		
IX	Nhà ở					
1	Xây dựng căn hộ nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp	Căn hộ	-	>33.500	Sở Xây dựng chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
2	Xóa bỏ tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho các đối tượng	Mức độ	Hiện nay đã xóa bỏ hoàn toàn	Nhà ở kiên cố và bán kiên cố		
3	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m ² sàn/người	29,2	36,5		
	<i>Thành thị</i>	m ² sàn/người	31	38		
	<i>Nông thôn</i>	m ² sàn/người	26,8	32		
4	Tỉ lệ nhà ở kiên cố	%	86	100		

	<i>Thành thị</i>	%	100	100		
	<i>Nông thôn</i>	%	75	80		
5	Tỉ lệ nhà ở có hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước thải đồng bộ và được đấu nối vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực	%	86	90		
X	Nước sạch, vệ sinh môi trường					
1	Tỉ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn				Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
	<i>Thành thị</i>	%	-	100		
	<i>Nông thôn</i>	%	-	100		
2	Tỉ lệ hộ gia đình được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh				Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
	<i>Thành thị</i>	%	85	-		
	<i>Nông thôn</i>	%	>95	-		
3	Tỉ lệ hộ gia đình có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	-	100		
4	Tỉ lệ trường học có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	90	100	Sở Giáo dục chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
5	Tỉ lệ trạm y tế có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	-	100	Sở Y tế chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
6	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành nông thôn được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp	%	-	50	Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	
7	Tỉ lệ hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi	%	-	95	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	